TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---

Bản án số: 193/2018/DS-PT
Ngày: 07/8/2018
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm
Ông Vũ Viết Văn
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Ông Trần Lương Tuấn, Khaiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công Khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLPT-DS ngày 14/3/2018 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2018/QĐ-PT ngày 26/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Xuân H: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1963.

Cùng trú tại: Số 3 dãy B tập thể GL, phường TM, quận M, Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/02/2013).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Khaim A, sinh năm 1940

Nơi cư trú: B2 L, C, Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1942

Nơi cư trú: Số nhà 54/61 phố BĐ, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1944

ĐKHKTT: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

Nơi cư trú: F3, M6 LT, Đ, Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị Ngân M, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Số 38 Lô 2A khu đô thị mới TY, phường Y, C, Hà Nội.

5. Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1953 (Đã chết ngày 20/8/2017).

Nơi cư trú: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân N:

- Chị Nguyễn Hồng P, sinh năm 1993
- Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1982

Cùng trú tại: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

6. Bà Nguyễn Thị Xuân L1, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Số 13 ngõ 487 phố KN, phường V, quận H1, Hà Nội.

7. Ông Nguyễn Xuân Bảo T, sinh năm 1956

ĐKHKTT: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 7 ngõ TA, phường B, quận H1, Hà Nội.

(Bà Anh, ông L, ông H, bà M, ông N, ông T cùng uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân L1).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947

ĐKHKTT: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số nhà 54/61 phố BĐ, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1942

ĐKHKTT: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

Nơi cư trú: F3, M6 LT, Đ, Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị Phương L

Nơi cư trú: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

4. Chị Nguyễn Hồng P, sinh năm 1993

5. Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1982

Cùng trú tại: Số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội.

(Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, Trần Thị Tố L, chị Nguyễn Thị Phương L, chị Nguyễn Hồng P, và chị Nguyễn Hồng L là bà Nguyễn Thị Xuân L1).

6. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1963

Trú tại: Số 3 dãy B tập thể GL, phường TM, quận M, Hà Nội.

7. Uỷ ban nhân dân quận H

Trụ sở: Số 108 phố HT, H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của UBND quận H: Ông Dương Đức T – Chủ tịch UBND quận H.

8. Văn phòng Công chứng LV

Trụ sở: Số 49 phố VC, B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc K - Trưởng văn phòng.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Xuân H, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H đại diện cho con gái là chị Nguyễn Xuân H (chị H là con chung giữa bà và ông Nguyễn Xuân K theo Bản án phúc thẩm số 65 ngày 04/6/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), yêu cầu chia thừa kế nhà số 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, Hoàn Khaiếm, Hà Nội là tài sản của ông K và bà Q (vợ ông K) đ- ợc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 2005 đứng tên ông K và bà Q.

Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị Q có 8 ng- ời con là: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Ngân M, Nguyễn Xuân Q (liệt sỹ năm 1972, không có gia đình), Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Xuân Bảo T. Ông K mất năm 2007, bà Q mất năm 1985.

Nhà số 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, Hà Nội là nhà gạch 2 tầng đã cũ, do ông K và bà Q xây dựng, xây năm nào bà H không biết, đến nay nhà này vẫn nh- vậy, không có thay đổi gì. Hiện các con ông K đang quản lý, sử dụng, quá trình các con ông K sử dụng có sửa chữa hay không bà H không biết nên không yêu cầu Toà án định giá phần sửa chữa.

Bà không công nhận chứng cứ phía bị đơn xuất trình là bản di chúc của ông K đề ngày 10/02/1991 có xác nhận của UBND ph- ờngĐồng Xuân ngày 09/02/1991 nh- ng thừa nhận chữ ký và chữ viết tên ông K trong bản di chúc là đúng nên không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tên ông K. Bà H cho rằng nếu đây là bản di chúc của ông K thì cũng không có giá trị pháp lý từ khi cháu Hằng đ- ợc sinh ra.

Bà H không công nhận việc ông Tâm trình bày tại phiên toà phúc thẩm lần 1 về việc đ- ợc sự uỷ quyền của ông K bán nhà ở này cho anh Liên vì không có giấy tờ mua bán có xác nhận của cơ quan nhà n- ớc.

Về việc bà Lai con gái ông K xuất trình giấy chứng nhận quyền sở hữu mới đứng tên các con của bà Q và ông K đ- ợc Ủy ban nhân dân quận Hoàn Khaiếm cấp năm 2010. Bà H cho rằng việc Ủy ban nhân dân quận Hoàn Khaiếm cấp giấy chứng nhận nêu trên mà không có ý khaiến của bà là đại diện hợp pháp cho chị Hằng là sai vì vụ án đang đ- ợc Tòa án giải quyết, nên đề nghị Toà án xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận này. Tr- ớc khi Uỷ ban nhân dân quận cấp giấy chứng nhận này các con bà Q và ông K đi Khai nhận di sản thừa kế theo bản di chúc năm 1991 tại Văn phòng công chứng Lạc Việt mà không kê Khai con riêng của ông K là chị Hằng. Sau đó Văn phòng công chứng Lạc Việt ban hành bản xác nhận di sản thừa kế cho các con của ông K và bà Q không có chị Hằng là sai. Bà H không xin huỷ văn bản công chứng này, chỉ đề nghị Toà án xem xét tính hợp pháp giấy chứng nhận quyền sở hữu mà Uỷ ban nhân dân quận cấp cho các con của ông K và bà Q vì Uỷ ban nhân dân quận cũng căn cứ trên văn bản Khai nhận di sản thừa kế để cấp giấy chứng nhận. Xác nhận tài sản thừa kế của ông K để lại là nhà, đất tại số 2 ngõ 40 TND, ngoài ra không có yêu cầu chia tài

sản thừa kế nào khác của ông K (nếu có). Bà H không có yêu cầu gì về việc ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án số 56/HNGĐ-PT ngày 04/6/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về việc chăm sóc ông K: Năm 1992 bà quen biết ông K, đến năm 1993 bà và ông K chung sống với nhau nh- vợ chồng, lúc tại nhà ông K, lúc tại nhà bà. Đầu năm 1994, bà có thai và sau đó sinh chị Hằng, ông K ở cùng bà chăm sóc con, đến năm 1995 do ông K bị tai nạn nên ông K về ở cùng các con cho đến khi ông K mất năm 2007. Nguồn sống của ông K là tiền trợ cấp gia đình liệt sỹ và tiền riêng của ông K nên bà không chấp nhận việc trích tiền trong khối di sản của ông K để thanh toán khoản tiền chăm sóc ông K.

Về yêu cầu trích tiền trong khối di sản của ông K để thanh toán tiền ma chay ông K bà không chấp nhận vì phía bị đơn không xuất trình các chứng cứ.

Về yêu cầu trích tiền trong khối di sản của ông K để thanh toán tiền duy tu, trông coi di sản của bị đơn bà cũngkhông đồng ý vì từ tr- ớc đến nay khối di sản vẫn nh- thế, các con ông K đang sử dụng phải có trách nhiệm trông coi, mặt khác theo bà đ- ợc biết khoảng năm 2012 Ngân hàng có xây dựng và làm lún nứt một số hộ gia đình nên có bồi th- ờng cho mỗi hộ khoảng gần 100 triệu đồng, trong đó có nhà 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, nh- ng bà không yêu cầu chia số tiền này.

Về những trình bày, yêu cầu tại cấp phúc thẩm (theo Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội), bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật nhà số 2 ngõ 40 TND cho nguyên đơn bằng hiện vật vì chị H đã trưởng thành, chưa có nhà ở.

Ngày 07/6/2017, bà H có đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi khaiện, cụ thể yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp cho Tòa án gồm:

1. Bản di chúc của ông Nguyễn Xuân K lập ngày 10/02/1991;

2. Hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Xuân K và ông Nguyễn Xuân Bảo T lập ngày 13/4/1998;

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 693537 ngày 19/12/2010 do UBND quận H cấp cho 07 bị đơn;

4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 2 ngõ 40 TND giữa ông Nguyễn Xuân Bảo T và ông Nguyễn Xuân Liên lập ngày 01/01/1999.

Ngày 28/6/2017, bà H rút lại các yêu cầu khởi khaiện bổ sung trên, không yêu cầu Tòa án hủy các văn bản trên như trong đơn ngày 07/6/2017 nữa và đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các văn bản trên.

Bà H không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp,vẫn đồng ý giá trị tài sản theo kết quả định giá ngày 11/9/2009.

Hiện nay bà và cháu H đều có hộ khẩu th- ờng trú và đang ở thực tế tại số 3 dãy B Giáp Lục, Hoàng Mai, Hà Nội, đây là nhà thuê nhà n- ớc rất chật chội nên yêu cầu chia bằng hiện vật cho chị H có chỗ ở tại căn nhà của bố để lại. Trong trường hợp bị đơn muốn giải quyết chia bằng giá trị thì phải thanh toán cho chị H

theo giá thị trường. Bà không nắm được cụ thể giá nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội theo giá trên thị trường hiện nay nhưng không yêu cầu định giá lại.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân L1, đồng thời là đại diện cho các đồng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Giữ nguyên các lời Khai đã Khai tại Toà án ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm cũng như tại các phiên toà do Toà án các cấp đã xét xử.

Ngôi nhà xây gạch 2 tầng tại số 2 ngõ 40 TND, Hà Nội là tài sản của bố mẹ các ông bà. Cụ Nguyễn Xuân K và cụ Nguyễn Thị Q mua từ năm 1954 đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB777775 ngày 13/7/2005.

Năm 1985, cụ Q mất không để lại di chúc. Năm 1991, cụ K đã viết Di chúc đề ngày 10/02/1991, chia tài sản là toàn bộ diện tích căn nhà số 2 ngõ 40 TND cho 7 anh chị em bà, còn ông Nguyễn Xuân Quang là liệt sỹ, không có gia đình nên không có tên trong Di chúc. Bản chất của văn bản này chính là bản phân chia tài sản cho tặng chứ không phải là di chúc. Năm 1991, chưa có Luật đất đai, chưa có Bộ luật dân sự, tất cả đều hiểu văn bản này là bản phân chia tài sản cho tặng, bởi vì:

Nội dung văn bản này là phân chia cho, tặng ngôi nhà số 2 ngõ 40 TND cho 7 người con;

Văn bản này được tuyên bố công Khai ngay năm 1991 khi cụ K còn sống. Cụ đã tự từ chối quyền sở hữu của mình, chuyển giao cho chúng tôi sở hữu;

Có hiệu lực ngay năm 1991 khi cụ K còn sống, cụ thể: Cụ K đã giao nhà và giấy tờ nhà là Bằng khoán điền thổ cho các con sở hữu và tự quản lý;

Theo sự hiểu biết của bà về luật pháp, tất cả những sự việc cho tặng tài sản được hình thành trước năm 1993 đều được pháp luật công nhận là hợp pháp. Không có điều luật nào lật lại vấn đề này để xem xét.

Căn cứ vào bản phân chia tài sản cho, tặng được Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân xác nhận năm 1991. Anh em bà đồng thuận không có tranh chấp nên ngôi nhà số 2 ngõ 40 TND đã chính thức là tài sản hợp pháp của anh em bà từ năm 1991. Do đó không thể vì bất cứ lý do gì mà lấy tài sản riêng của các ông bà chia cho người khác.

Lý giải việc các ông bà trình bày đã đ-ợc cụ K cho nhà ở trên và đến năm 2005, Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu vì đấy là do thủ tục của nhà n-ớc khi các ông bà đi làm thủ tục thì Uỷ ban nhân dân ph-ờng Đồng Xuân h-ớng dẫn kê Khai đứng tên cụ Q và cụ K, do không hiểu pháp luật nên đã kê Khai đứng tên hai cụ.

Tr-ớc đây tại phiên Toà phúc thẩm lần 1, ông Tâm có Khai sửa chữa nhà ở này khoảng 01 tỷ, nay không yêu cầu Toà án định giá phần sửa chữa.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Tâm cũng Khai nhà ở này ông Tâm đã đ-ợc sự uỷ quyền của cụ K và bán nhà cho anh Nguyễn Xuân L. Thực chất vấn đề giữa ông T và anh Liên không mua bán nhà ở này nữa nên không yêu cầu Toà án giải quyết về việc mua bán này.

Về việc chăm sóc cụ K thì do anh chị em bà là con ruột của cụ K, cụ Q góp tiền để nuôi d- ỡng và chăm sóc cụ Kcùng với tiền mà cụ đ- ợc h- ởng do gia đình liệt sỹ. Do không chấp nhận yêu cầu củabà Hồng nên không đặt ra vấn đề giải quyết tiền nuôi d- ỡng chăm sóc cụ K, đ- ơng nhiên các ông bà phải chăm sóc vì cụ là bố đẻ của các ông bà.

Về việc sửa chữa nhà: Nhà 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, Hà Nội đã là tài sản của các ông bà từ năm 1991 (sau khi cụ K viết di chúc) nên quá trình sử dụngmỗi ông bà đã tự sửa chữa phần diện tích mình đ- ợc chia, đến nay không thống kê đ- ợc cụ thể các hạng mục sửa chữa, thời gian sửa chữa vì sửa chữa nhiều lần. Do quan điểm của các ông bà đây là nhà riêng, không còn là tài sản của cụ K nữa nên Tòa án phải bác đơn của chị Hằng, chị Hồng do vậy bị đơn không yêu cầu Tòa án định giá giá trị xây dựng, sửa chữa nhà này.

Quá trình giải quyết vụ khaiện từ cấp sơ thẩm cho đến phúc thẩm, tài sản tranh chấp là nhà số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội không có bất kỳ biến động gì về việc cải tạo, sửa chữa cũng như mua bán, chuyển dịch, cầm cố thế chấp. Vào năm 2009, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá đối với nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội đối với kết quả định giá này bị đơn đồng ý và không có yêu cầu xem xét, định giá lại tài sản này.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 16/9/2015, bà Nguyễn Thị Xuân L1 có yêu cầu được giám định ADN đối với chị H để có căn cứ khoa học chứng minh chị H có phải là con đẻ của cụ K hay không? Nay tại cấp sơ thẩm, bà không yêu cầu giám định ADN đối với chị H nữa, nên xin rút lại yêu cầu này.

Cụ K lúc còn sống không đi làm việc ở cơ quan tổ chức nào nên không có chế độ hưu trí, bảo hiểm, thu nhập gì ngoài được hưởng chế độ thân nhân của liệt sĩ (ông Nguyễn Xuân Quang hy sinh năm 1972). Khi còn sống, cụ K sống với vợ là cụ Q và các con. Cụ Q mất năm 1985, sau đó cụ K sống với vợ chồng ông T, các con cùng nhau có trách nhiệm đóng góp để nuôi cụ cho đến khi cụ mất năm 2007. Năm 1994 cụ K bị tai nạn giao thông tại Phú Xuyên, sau đó được đưa về Bệnh viện Việt Đức cấp cứu, tháo bỏ cánh tay trái. Gia đình phải thuê người chăm sóc chữa chạy 01 tháng, chi phí điều trị hết khoảng 100.000.000 đồng. Khi còn sống, cụ K bị bệnh phổi mãn tính, hàng ngày thường xuyên phải sử dụng thuốc men. Ngoài ra, sau tai nạn, cụ K còn phải điều trị mổ trĩ và mổ nhọt tại Bệnh viện Tràng An, chi phí khoảng 60.000.000 đồng. Năm 2007, cụ K mất, gia đình tổ chức tang lễ cho cụ tại nhà tang lễ thành phố 125 Phùng Hưng. Gia đình an táng cụ K tại Văn Điển, sau 3 năm, gia đình bốc mộ đưa đi hỏa táng và mua ô gửi tro tại Nghĩa trang Văn Điển. Tổng chi phí cho việc tổ chức đám ma, mua đất, mua ô chi phí cho nghĩa trang và giỗ tết hàng năm là khoảng 100.000.000 đồng. Chi phí cấp dưỡng, ăn uống sinh hoạt cho cụ K trong thời gian 30 năm, ước tính khoảng 1.440.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản khoảng 1.700.000.000 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nhưng đề nghị Tòa án khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn thì xem xét đến các khoản chi phí trên để đảm bảo quyền lợi cho các bị đơn.

Các tài liệu gồm Bản di chúc của ông Nguyễn Xuân K lập ngày 10/02/1991; Hợp đồng ủy quyền của ông K cho anh Tâm ngày 13/4/1998; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BĐ 693537 ngày 19/12/2010 đều được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận nên bà khẳng định giá trị pháp lý của các giấy tờ trên là hợp pháp. Riêng đối với Hợp đồng mua bán nhà giữa ông T với ông Liên ngày 01/01/1999 (bản chính ông T đang giữ) bà Lai khẳng định không có việc mua bán nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND giữa ông T và ông Liên nữavà đã hủy giấy tờ mua bán trên. Hiện nhà đất trên vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của 7 anh chị em bà. Do đó đề nghị Tòa án không đưa ông Liên vào tham gia tố tụng vì ông Liên không có quyền lợi gì liên quan đến nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND. Các ông bà đều là con hợp pháp của cụ Kcó đóng góp công sức vào việc xây dựng, sửa chữa nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND, chị H là con ngoài giá thú, không có tên trong bản di chúc của cụ K. Việc xem xét giải quyết quyền lợi thừa kế của chị H không thể ngang bằng với các bị đơn và không chấp nhận yêu cầu chia bằng hiện vật của nguyên đơn. Cụ K đã từng khẳng định ngôi nhà số 2 ngõ 40 TND là tài sản của cụ K, cụ Q và các con, mẹ con bà H không có quyền gì đối với ngôi nhà đó.

Về việc bị đơn ông Nguyễn Xuân N đã mất, ngoài chị Loan, chị Phương, không còn người thừa kế nào khác của ông Nguyễn Xuân N. Trước khi ông Như mất, bà Diệp và ông Như đã ly hôn vào tháng 5 năm 2013, bà Diệp cũng không đóng góp công sức, vật chất gì vào ngôi nhà số 2 ngõ 40 TND. Sau khi ly hôn với ông Như, bà Diệp đã chuyển đi nơi khác sống, không còn quyền lợi liên quan gì đến nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND. Bà Diệp và ông Như cũng không có tài sản gì chung, nên đề nghị Toà án không đưa bà Diệp vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa. Bà Nguyễn Thị Phong là vợ ông Nguyễn Xuân Bảo T đã mất, mặt khác trước đây bà Phong đã uỷ quyền cho bà, đề nghị Toà án không đưa bà Phong vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa.

Uỷ ban nhân dân quận H cung cấp: Giấy chứng nhận số AB 777775 được UBND quận H cấp ngày 13/7/2005 cho ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị Q (đã chết).

- Ngày 12/11/2010 Phòng Tài nguyên và môi trường quận nhận được hồ sơ đăng ký sang tên của ĐSH các ông, bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Ngân M, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T, là thừa kế của ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị Q, do bộ phận "một cửa" của quận chuyển đến.

Căn cứ:

+ Quyết định 117/2009/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân … trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

+ Văn bản Khai nhận di sản thừa kế, của ĐSH các ông, bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Ngân M, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T, đã được Văn phòng công chứng Lạc Việt chứng nhận ngày 28/9/2010.

Căn cứ thụ lý và đề xuất của Phòng Tài nguyên và môi trường.

Ngày 19/12/2010, UBND quận đã đăng ký sang tên và cấp GCN mới cho ĐSH các ông, bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Ngân M, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T, tại nhà đất số 2 ngõ 40 TND, phường Đồng Xuân.

UBND quận đã đăng ký sang tên cho các đồng sở hữu của ông K và bà Q, nhà đất số 2 ngõ 40 TND, phường Đồng Xuân là đúng theo quy định của quyết định số 117/2009/QĐ-UBND.

Tại thời điểm nhận hồ sơ ngày 12/11/2010 và trong quá trình thụ lý hồ sơ UBND quận H không nhận được đơn thư khiếu nại cũng như văn bản của Toà đối với nhà đất số 2 ngõ 40 TND.

Văn phòng công chứng Lạc Việt trình bày:

Ngày 26/8/2010, Văn phòng công chứng Lạc Việt có tiếp nhận yêu cầu công chứng văn bản Khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân Bảo T (đại diện cho những người thừa kế của ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị Q) đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ ngôi nhà số 2 ngõ 40 TND, phường Đồng Xuân, quận H, thành phố Hà Nội (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 777775, MS 400011 do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/7/2005).

Căn cứ vào những giấy tờ hợp pháp do người yêu cầu công chứng cung cấp, văn phòng đã tiến hành thủ tục niêm yết việc Khai nhận di sản thừa kế tại UBND phường Đồng Xuân, quận H, thành phố Hà Nội, từ ngày 27/8 đến ngày 27/9/2010 và không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo nào.

Ngày 28/9/2010, Văn phòng đã tiến hành thủ tục công chứng "Văn bản Khai nhận di sản thừa kế", số công chứng 2681.2010/HĐ-GD theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2010/DS-ST ngày 10/5/2010 của Toà án nhân dân quận Hoàn Khaiếm (lần 1) đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND - H - Hà Nội của chị Nguyễn Thị Thanh H đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Xuân H.

2. Chia giá trị cho cháu Nguyễn Xuân H do chị Nguyễn Thị Thanh H đại diện theo pháp luật được hưởng: 239.943.113 đồng.

3. Chia nhà đất tại số 2 ngõ 40 TND - H - Hà Nội cho các ông bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Ngân M, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T. Có giá trị là 5.518.691.600 đồng.

4. Các ông bà Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Ngân M, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Xuân H do chị Nguyễn Thị Thanh H

đại diện 239.943.113 đồng. Mỗi người phải thanh toán trả cho cháu Hdo chị Hồng đại diện 34.277.588 đồng.

Ngày 24/5/2010, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo đề nghị định giá lại nhà đất và xin được hưởng bằng hiện vật; ông Nguyễn Xuân Bảo T có đơn kháng cáo ngày 17/5/2010 đề nghị bác yêu cầu khởi khaiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự phúc thẩm số 233/2010/DSPT ngày 15/12/2010, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2010/DSST ngày 10/5/2010 của Toà án nhân dân quận H và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân quận H giải quyết lại vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2014/DS-ST trong các ngày 24 đến 27 tháng 11 năm 2014, Toà án nhân dân quận H đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nhà đất số 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, ph- ờng Đồng Xuân, quận Hoàn Khaiếm, thành phố Hà Nội của chị Nguyễn Xuân Hằng.

2. Chia giá trị cho chị Hằng đ- ợc h- ởng: 201.202.297 đồng.

3. Chia nhà đất số 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật cho các ông bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L- ơng, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Ngân Minh, Nguyễn Xuân Nh- , Nguyễn Thị Xuân Lai, Nguyễn Xuân Bảo Tâm, có giá trị: 5.518.691.690 đồng.

4. Các ông bà Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L- ơng, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Ngân Minh, Nguyễn Xuân Nh- , Nguyễn Thị Xuân Lai, Nguyễn Xuân Bảo Tâm có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Xuân Hằng 201.202.297 đồng, mỗi ng- ời phải thanh toán cho chị Hằng: 28.743.185 đồng.

5. Nếu có tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật giữa ông Tâm và anh Liên đ- ợc giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2014, bà H và bà Lai đại diện cho các đồng bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/12/2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định kháng nghị số 04/QĐ/KNPT-P5 đề nghị huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2014/DS-ST trong các ngày 24 đến 27 tháng 11 năm 2014 của Toà án nhân dân quận H.

Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 16/9/2015, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp nhận quyết định kháng nghị số 04/QĐ/KNPT-P5 ngày 25/12/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L1 là người đại diện theo uỷ quyền của các đồng bị đơn, quyết định huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2014/DS-ST từ ngày 24 đến 27/11/2014 của Toà án nhân dân quận H. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân quận H để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân quận H quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế nhà đất tạisố 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, ph- ờng Đồng Xuân, quận Hoàn Khaiếm, thành phố Hà Nội của nguyên đơn chị Nguyễn Xuân Hằngdo bà Nguyễn Thị Thanh H làm đại diện đối với các bị đơn gồm Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L- ơng, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Ngân Minh, Nguyễn Xuân Nh- (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là chị Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Hồng L), Nguyễn Thị Xuân Lai, Nguyễn Xuân Bảo Tâm.

2. Chia phần giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Xuân K cho chị Nguyễn Xuân Hằng đ- ợc h- ởng: 299.928.446 đồng.

3. Chia nhà đất tại số 2 ngõ 40 Trần Nhật Duật, ph- ờng Đồng Xuân, quận Hoàn Khaiếm, thành phố Hà Nội cho các ông bà: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L- ơng, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Ngân Minh, Nguyễn Xuân Nh- (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là chị Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Hồng L), Nguyễn Thị Xuân Lai, Nguyễn Xuân Bảo Tâm có giá trị: 5.518.691.690 đồng.

4. Các ông bà Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L- ơng, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Ngân Minh, Nguyễn Xuân Nh- (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là chị Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Hồng L), Nguyễn Thị Xuân Lai, Nguyễn Xuân Bảo Tâm có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Xuân Hằngsố tiền là299.928.446 đồng, mỗi ng- ời phải thanh toán cho chị Hằng là 42.846.920 đồng.Người thừa kế của ông Nguyễn Xuân N gồm chị Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho chị H mỗi người là 21.423.460.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 01/02/2018 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi hợp pháp và thỏa đáng cho chị Nguyễn Xuân H là nguyên đơn trong vụ án.

Ngày 21/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, nếu chia bằng giá trị thì kỷ phần của nguyên đơn phải được thanh toán theo giá thị trường.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cụ Nguyễn Thị Q chết năm 1985, theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 về áp dụng thời hiệu, Điều 623 về thời hiệu chia thừa kế, Điều 36

Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, do vậy thời hiệu thừa kế phần di sản của cụ Q vẫn còn. Sau khi cụ Q chết, di sản của cụ Q phải chia cho 8 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q gồm: cụ K và 7 người con chung của cụ Q với cụ K. Do vậy tài sản của cụ K sẽ là ½ giá trị tài sản chung vợ chồng + giá trị phần tài sản được hưởng thừa kế của cụ Q. Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Q đã hết nên chỉ xác định di sản của cụ K là 2.759.345.800 đồng (½ giá trị tài sản chung) là không đúng, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Phần nhận định của án sơ thẩm tính chi phí bảo quản di sản cho các con của ông K, bà Q bằng một kỷ phần thừa kế (344.918.225 đồng) là không hợp lý. Cần xác định ai là người có công sức duy trì, phát triển khối di sản của người chết để lại để tính công sức cho người đó và phải tuyên cụ thể trong phần quyết định của bản án và cần xác định rõ trách nhiệm thanh tóan của từng thừa kế của ông K đối với chị Nguyễn Xuân H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Hkháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân nhân thành phố Hà Nội ban hành trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Sinh thời cụ Nguyễn Xuân K và cụ Nguyễn Thị Q có 7 người con chung là: Nguyễn Khaim A, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Ngân M, Nguyễn Xuân Quang (liệt sỹ 1972, không có gia đình), Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Xuân L1, Nguyễn Xuân Bảo T. Cụ Nguyễn Xuân K có một con riêng là chị Nguyễn Xuân H.

Các đương sự đều thống nhất xác định Nhà đất số 2 ngõ 40 TND, H, Hà Nội là tài sản chung của cụ Nguyễn Xuân K và cụ Nguyễn Thị Q.

Cụ Q chết năm 1985, cụ K chết năm 2007 bản án sơ thẩm xác định cụ Q chết năm 1985 nên hết thời hiệu chia thừa kế, di sản của cụ Q chưa chia trở thành tài sản chung của các thừa kế của cụ Q là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 về áp dụng thời hiệu, Điều 623 về thời hiệu chia thừa kế, Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, do vậy thời hiệu thừa kế phần di sản của cụ Q vẫn còn. Trong trường hợp này, sau khi cụ Q

chết, di sản của cụ Q phải chia cho 8 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q gồm: cụ K và 7 người con chung của cụ Q với cụ K. Do vậy tài sản của cụ K sẽ là ½ giá trị tài sản chung vợ chồng + giá trị phần tài sản được hưởng thừa kế của cụ Q.

Do cấp sơ thẩm chưa chia di sản của cụ Q nên để bảo đảm nguyên tắc hai cấp xét xử cần hủy án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 11/9/2009 Tòa án quận H định giá đối với tài sản tranh chấp tài sản tranh chấp. Theo đó giá trị quyền sử dụng đất là 55.000.000 đồng/m^2. Quá trình giải quyết vụ khaiện các đương sự không yêu cầu định giá lại. Tuy nhiên việc định giá tiến hành đã lâu, giá trị quyền sử dụng đất có biến động Tòa án cần phải định giá lại tài sản tranh chấp theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự để bảo đảm quyền lợi của các đương sự và tính đúng, đủ án phí nộp ngân sách Nhà nước.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm chị H không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại dự phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sợ sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp chia thừa kế" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân Hằng

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Khaim A
- Ông Nguyễn Xuân L
- Ông Nguyễn Xuân H
- Bà Nguyễn Thị Ngân M
- Ông Nguyễn Xuân N
- Bà Nguyễn Thị Xuân L1
- Ông Nguyễn Xuân Bảo T

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết theo trình tự sơ thẩm theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0002086 ngày 06/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh